

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS - PT
Ngày: 10-01-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thoa.

Bà Phan Thị Út.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Đào Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28, ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4161/2021/QĐ - PT ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9576/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: 735 Phạm Thế H, Phường H, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP.

Trụ sở: 312-314 Tùng Thiện V, Phường G, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 539 Tùng Thiện V, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 76 (Lầu 6) Cách Mạng Tháng T, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Văn B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 41 đường Dương Quang Đ, Phường B, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn B: Ông Nguyễn Chính H, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: Số 7 Đường 9, Phường D, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền lập ngày 15/10/2019 tại Văn Phòng Công chứng Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Vào năm 2017, để hỗ trợ Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP (sau đây gọi tắt là Công ty VHP) hoàn thành thủ tục sang nhượng cổ phần từ ông Nguyễn Văn M sang ông Trần Văn B, Công ty VHP đã vay tiền của nguyên đơn như sau:

1/ Ngày 03/7/2017, Công ty VHP vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng.

2/ Ngày 03/8/2017, Công ty VHP vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng.

3/ Ngày 13/11/2017, Công ty VHP vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, hạn chậm nhất đến ngày 13/12/2017 trả, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng.

4/ Ngày 23/12/2017, Công ty VHP vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng.

Tổng số tiền Công ty VHP đã vay của nguyên đơn là : 4.500.000.000 đồng.

Sau đó, đã quá thời hạn chi trả theo hợp đồng mà ông T không nhận được tiền vốn cũng như tiền lãi đã thỏa thuận giữa ông T và Công ty VHP. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty VHP trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 5.265.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực.

Vào ngày 23/11/2020, nguyên đơn ông Trần Thanh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Giấy mượn tiền vào ngày 13/11/2017 giữa ông T và ông Nguyễn Văn M, số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Ông T sẽ khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền này bằng một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tiền vay gốc: Nguyên đơn yêu cầu Công ty VHP trả số tiền vay gốc là 4.000.000.000 đồng. Về lãi suất: Nguyên đơn xác nhận từ khi vay tiền đến nay, phía bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn đồng nào. Nguyên đơn yêu cầu Công ty VHP trả lãi suất theo quy định của pháp luật đến thời điểm trả dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn M: Vắng mặt nên Tòa án không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Tòa án đã tổng đạt niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty VHP theo qui định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B - có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chính H trình bày:

Ông Trần Văn B với tư cách là một thành viên góp 50% vốn điều lệ của Công ty VHP. Là một trong hai thành viên chủ sở hữu.

Thành viên chủ sở hữu Công ty này xác nhận toàn bộ khoản tiền mà ông Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu Công ty VHP trả vì cho rằng Công ty đã vay là không đúng. Công ty này ông Trần Văn B với tư cách là người quản lý (Chủ tịch hội đồng thành viên) đã kiểm tra chứng từ, sổ sách Công ty và các báo cáo tài chính “Không hề có khoản tiền mà ông T đã khởi kiện cho rằng Công ty này vay”. Thực tế ông T không có tài liệu chứng từ tài chính kế toán gì của Công ty này đã thu do vay của ông T hợp pháp hợp lệ, 3 giấy mượn tiền chỉ là chủ trương. Các chứng cứ như “Giấy mượn tiền” mà ông T cung cấp cho Tòa án yêu cầu xuất trình bản chính để kiểm tra đối chiếu. Giấy mượn tiền ngày 03/8/2017, ngày 23/12/2017, ngày 03/7/2017 (photo) Tòa án có đối chiếu chưa tôi không biết cần tòa xác định, xác nhận. Tuy nhiên, ông Bắc xác định (nếu có bản chính) giấy này chỉ thể hiện chủ trương sẽ mượn (Không có vay) của ông T. Không có lãi suất, còn thực tế ông T có đưa tiền hay ai nhận tiền thì ông Bắc không biết chỉ biết rõ Công ty VHP và ông Bắc không hề vay hay nhận tiền gì của ông T theo như đơn khởi kiện. Nếu thực tế ông T có đưa tiền cho ông M bao nhiêu? Khi nào? ở đâu? Thì ông Bắc không biết. Ông Bắc và Công ty không có liên quan. Ông T nên tìm ông M mà đòi tiền (nếu có). Vì nếu có thì chỉ là giao dịch cá nhân của ông T và ông M (Ông T muốn đòi tiền Công ty thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh có chứng từ của Công ty hợp lệ hợp pháp). Các giấy mượn tiền không thể hiện ông T đưa tiền cho Công ty hay ông Bắc cũng như Công ty

có nhận tiền (Chỉ có ông M ký tên đóng dấu) ông Bắc không biết có phải là chữ ký và chữ viết của ông M hay không? Nếu đúng thì chỉ thể hiện ông M có nhận tiền của ông T không có liên quan gì đến Công ty và ông Bắc như trên tôi đã trình bày. Còn con dấu do ông M đóng là do ông M lạm dụng lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T (Nếu là dấu thật của Công ty). Giấy biên nhận viết tay, không có con dấu Công ty có chữ viết và chữ ký được cho là của ông M không có liên quan gì đến Công ty và ông Bắc. Vì vậy, yêu cầu Tòa án bác đơn kiện Công ty nếu cần thiết thì ông T có thể tìm ông M và đòi ông M inh. Ông Bắc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T với tư cách ông Bắc là chủ Công ty 50% và thành viên Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của ông Bắc vẫn đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì chứng cứ do nguyên đơn đưa ra không liên quan gì đến Công ty. Đã kiểm tra hồ sơ sổ sách kế toán không thể hiện được Công ty có thu khoản vay này. Ngày 01/01/2016 Công ty VHP đã ngưng hoạt động. Tại địa chỉ 312-314 Tunnel Thiện V, Phường G, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở Công ty không còn hoạt động mà địa điểm trên là do Công ty cà phê Highlands Coffee kinh doanh. Vì thế ông M lừa đảo ông T, đề nghị xử lý. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP trả số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng (theo Giấy mượn tiền vào ngày 13/11/2017 giữa ông Trần Thanh T và ông Nguyễn Văn M). Nếu có tranh chấp thì giành quyền khởi kiện cho nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết lại bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T:

Buộc Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh T tổng số tiền 5.932.722.204 đồng (năm tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/3/2021, ông Nguyễn Chính H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm thu thập tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án tại Chi cục thuế quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Chính H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn B xác định:

Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự cụ thể Công ty VHP không còn hoạt động tại địa chỉ số 312-314 Tunnel Thiện V, Phường G, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 15/10/2015 theo Thông báo số 349/TB-CCT-KTr2 ngày 19/10/2015 của Chi Cục thuế Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh mà Tòa cấp sơ thẩm vẫn tiến hành tổng đạt niêm yết các thủ tục tố tụng dẫn đến việc Công ty VHP đã không được thực hiện quyền tham gia tố tụng, xâm phạm quyền lợi của doanh nghiệp. Bản án nhận định không rõ ràng, dùng từ ngữ chưa chính xác (lúc vay lúc mượn), áp dụng điều luật không đúng, không cụ thể. Vụ án có dấu hiệu lừa đảo vì đây là quan hệ giao dịch giữa cá nhân với cá nhân chứ không phải giữa cá nhân với pháp nhân, đề nghị đình chỉ vụ án do xác định sai người bị kiện và chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra giải quyết vụ án.

Nguyên đơn – ông Trần Thanh T trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Bắc, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn – Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP: Đã được Tòa triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí các bên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Chính H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn B trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự :

Xét, thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP có ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo pháp luật, theo kết quả trả lời xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 7049/ĐKKD-THKT ngày 01/11/2019 và phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 30/11/2021, thì hiện Công ty VHP đăng ký thay đổi lần 5 ngày 23/9/2015 có địa chỉ trụ sở chính tại 312-314 Tùng Thiện V, Phường G, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh và chỗ ở hiện tại của ông M là 539 Tùng Thiện V, Phường H, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh, đến nay Công ty VHP vẫn chưa đăng ký giải thể. Tại kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 12, Quận 8 cho biết ông M có hộ khẩu thường trú tại 539 Tùng Thiện V, Phường H, Quận T, nhà bán tháng 9/2014 ở đâu không rõ. Như vậy Công ty VHP đến nay vẫn chưa đăng ký giải thể và ông M thuộc trường hợp thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định về pháp luật cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ, vì vậy Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty VHP và ông M tại các địa chỉ trên là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 178, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung các “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 03/7/2017, ngày 03/8/2017 và ngày 23/12/2017 cho thấy có việc thỏa thuận về vay tiền, thời hạn vay và lãi suất giữa các bên, đối chiếu với Điều 398, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bắc cho rằng đây là giao dịch giữa ông T và cá nhân ông M chứ không phải giao dịch giữa ông T với Công ty VHP lý do ông Bắc không chứng kiến việc giao nhận tiền, ông M nhận tiền không khai báo số tiền vay cho cơ quan thuế, không có trong chứng từ kế toán của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Công ty VHP có các thành viên bao gồm ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo pháp luật và ông Trần Văn B là chủ tịch Hội đồng thành viên.

Tại các “giấy mượn tiền” nội dung có ghi rõ:

“Chúng tôi gồm có:

Ông TRẦN VĂN B, sinh năm 1958, chức vụ: CTHDTV

CMND số: 022548258, cấp ngày: 14/7/2007 tại CA TP.HCM

Địa chỉ: 41 đường 1011, phường 5, quận 8, TP.HCM

Ông NGUYỄN VĂN M, sinh năm: 1962, chức vụ Giám đốc

CMND số: 021559678, cấp ngày: 22/4/2004 tại CA TP.HCM

Địa chỉ: 539 Tùng Thiện V, Phường H, Quận T, TP.HCM

Sau khi bàn bạc thống nhất HĐTV Công ty TNHH TM-XD Vạn Hưng Phát chúng tôi thống nhất vay của ông:

TRẦN THANH T...”

Ông Bắc và ông M đã cùng ký vào “BÊN MƯỢN TIỀN” có đóng dấu của Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện ông Bắc xác nhận ông Bắc có ký vào “BÊN MƯỢN TIỀN” cùng ông M và có đóng dấu của Công ty, tuy nhiên đây chỉ là phương án kinh doanh chứ ông không chứng kiến việc giao nhận tiền, điều này không đúng vì các giấy đều ghi rõ “GIẤY MƯỢN TIỀN”, nội dung là các bên vay tiền với nhau không có câu từ nào thể hiện đây là phương án kinh doanh của thành viên Công ty VHP, ngoài ra tại giấy mượn tiền còn có dòng chữ “đã nhận đủ” tại chữ ký của ông M inh.

Ông Bắc cho rằng đây là giao dịch dân sự giữa cá nhân với nhau không liên quan đến Công ty VHP là có mâu thuẫn trong lời trình bày vì ông Bắc xác định khi ông ký các “GIẤY MƯỢN TIỀN” là phương án kinh doanh của Công ty chứ thực chất không có việc Công ty VHP vay tiền của ông T nhưng đồng thời lại yêu cầu Tòa án xác định các “GIẤY MƯỢN TIỀN” mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện là giao dịch dân sự vay tiền của cá nhân ông M với ông T, không liên quan gì đến Công ty VHP, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty VHP có hai thành viên góp vốn là ông M và ông Bắc, theo các “GIẤY MƯỢN TIỀN” đều có chữ ký của hai ông M ông Bắc và đóng dấu Công ty VHP nên có đủ căn cứ xác định đây là giao dịch vay tài sản giữa ông T và Công ty VHP. Do Công ty VHP không trả tiền vay theo như thỏa thuận nên ông T khởi kiện Công ty VHP là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của ông Bắc cho rằng nguyên đơn phải khởi kiện cá nhân ông M và Công ty VHP không có trách nhiệm thanh toán nợ là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các giấy mượn tiền ngày 03/7/2017, ngày 03/8/2017 và ngày 23/12/2017 xác định Công ty VHP có vay của ông T nhiều lần tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 01 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến hạn trả tiền Công ty VHP vẫn chưa thanh toán được đồng nào tiền gốc và tiền lãi. Ông T cũng đã có thông báo đòi tiền nợ nhưng không có kết quả. Vì vậy nay ông T khởi kiện yêu cầu Công ty VHP trả số tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng và lãi suất còn thiếu là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về lãi suất vay:

Đối với giấy mượn tiền ngày 03/7/2017 và ngày 03/8/2017 ghi lãi suất hai bên tự thỏa thuận nguyên đơn xác định hai bên thỏa thuận vay 5%/tháng (tức mức lãi suất thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468). Trong trường hợp này Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng tính lãi theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất là đúng cụ thể như sau:

1/Giấy mượn tiền ngày 03/7/2017, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Ngày quá hạn vay là ngày 03/8/2017, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/02/2021 là 42 tháng 22 ngày:

- Lãi trong hạn:

$2.000.000.000 \text{ đ} \times (10\%:12) \times 01 \text{ tháng} = 16.666.667 \text{ đồng (1)}$

- Tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chậm trả:

$16.666.667 \text{ đ} \times (10\%:12) \times 42 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 5.935.193 \text{ đồng (2)}$

- Tiền lãi đối với số tiền vốn vay quá hạn:

$2.000.000.000 \text{ đ} \times (15\%:12) \times 42 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 1.068.333.326 \text{ đồng} (3)$

* Tổng số tiền lãi phải trả = (1) + (2) + (3)

$16.666.667 \text{ đ} + 5.935.193 \text{ đ} + 1.068.333.326 \text{ đ} = 1.090.935.186 \text{ đồng}.$

2/ Giấy mượn tiền ngày 03/8/2017, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Ngày quá hạn vay là ngày 03/9/2017, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/02/2021 là 41 tháng 22 ngày:

- Lãi trong hạn:

$1.000.000.000 \text{ đ} \times (10\%:12) \times 01 \text{ tháng} = 8.333.333 \text{ đồng} (1)$

- Tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chậm trả:

$8.333.333 \text{ đ} \times (10\%:12) \times 41 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 2.898.134 \text{ đồng} (2)$

- Tiền lãi đối với số tiền vốn vay quá hạn:

$1.000.000.000 \text{ đ} \times (15\%:12) \times 41 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 521.666.674 \text{ đồng} (3)$

* Tổng số tiền lãi phải trả = (1) + (2) + (3)

$8.333.333 \text{ đ} + 2.898.134 \text{ đ} + 521.666.674 \text{ đ} = 532.898.141 \text{ đồng}.$

Riêng đối với Giấy mượn tiền ngày 23/12/2017, không có thỏa thuận lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất là đúng cụ thể như sau: Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không ghi lãi suất. Ngày quá hạn vay là ngày 23/01/2018, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/02/2021 là 37 tháng 02 ngày:

$\text{Tiền lãi} = 1.000.000.000 \text{ đ} \times (10\%:12) \times 37 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 308.888.887 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$1.090.935.186 \text{ đ} + 532.898.141 \text{ đ} + 308.888.887 \text{ đ} = 1.932.722.204 \text{ đồng}.$

Như vậy, số tiền Công ty VHP có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông T tổng cộng là:

$4.000.000.000 \text{ đồng} + 1.932.722.204 \text{ đồng} = 5.932.722.204 \text{ đồng}.$

[2.3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T đối với số tiền vay 500.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền vào ngày 13/11/2017 giữa ông T và ông M là tự nguyện, Tòa cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc bị đơn Công ty VHP là phù hợp.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Do đó, án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP phải chịu là: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times 1.932.722.204 \text{ đồng} = 113.932.722 \text{ đồng}$.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.633.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0019136 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Trần Văn B là người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Ông Bắc – sinh năm 1958, thuộc trường hợp được miễn án phí tòa án vì là người cao tuổi, nhưng ông Bắc không có đơn đề nghị nộp cho Tòa án, kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm nên không được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, ông Bắc vẫn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP trả số tiền vay 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng (theo Giấy mượn tiền vào ngày 13/11/2017 giữa ông Trần Thanh T và ông Nguyễn Văn M). Nếu có tranh chấp thì giành quyền khởi kiện cho nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết lại bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T:

Buộc Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh T tổng số tiền 5.932.722.204 đồng (Năm tỷ chín trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng VHP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.932.722 (Một trăm mười ba triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi hai) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.633.000 (Năm mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0019136 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn B phải chịu án phí phúc thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 8;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Kim Thúy

